TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP
Bản án số:16/2025/HS-ST
Ngày: 23-01-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Vững

Ông Nguyễn Văn Ánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hữu Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 23/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 75/2024/HSST ngày 19 tháng 11 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2024/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/HSST-QĐ, ngày 19/12/2024; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/TB-TA, ngày 02/01/2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: Võ Ngọc N, sinh năm 1983; nơi sinh Đồng Tháp; nơi cư trú: Ấp Mỹ Phước 1, xã N, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hóa không biết chữ; con ông Võ Văn Châu, sinh năm 1950 (còn sống) và bà Võ Thị Chia, sinh năm 1955 (còn sống); gia đình có 06 anh chị E, bị cáo là thứ 5 trong gia đình; chồng tên Phạm Minh E, sinh năm: 1982; con có 02 người con sinh năm 2007 và năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt tại phiên Tòa.

- *Bị hại:* Phạm Nguyễn Hoa S, sinh năm 1992 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn MA, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Phạm Minh E, sinh năm 1982 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Mỹ Phước 1, xã N, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965 (Chủ tiệm vàng Kim Thạnh). (Có đơn xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn MA, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn MA, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm 4, thị trấn MA, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

3. Chị Huỳnh Thị Ngọc M, sinh năm 2009 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn MA, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ, ngày 30/04/2024, bị cáo Võ Ngọc N điều khiển xe mô tô biển số 66M1-143.94 từ nhà ở ấp Mỹ Phước 1, xã Mỹ Quý đến chợ Tháp Mười. Sau khi đậu xe trong hẻm tại chợ, N đi bộ đến tiệm vàng Kim Thạnh 3 tại số 31, đường Ngô Gia Tự, khóm 4, thị trấn MA, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, cách nơi đậu xe khoảng 100m. Tại đây, N gặp chị Phạm Nguyễn Hoa S, nhân viên bán vàng giả vờ hỏi mua bộ vòng simen bằng vàng 18k (loại 07 chiếc một bộ). Do tiệm không có loại vòng simen theo yêu cầu, chị S lấy loại vòng simen khác cho N xE. N yêu cầu được đeo thử và chị S đồng ý đeo 02 chiếc vòng simen vào cổ tay trái của N. Sau đó, N yêu cầu đeo thêm vòng nhưng chị S chỉ đồng ý đeo thêm 02 chiếc nữa. Có ý định chiếm đoạt 04 chiếc vòng này, N liên tục yêu cầu chị S cho xE thêm các loại nữ trang khác, việc này kéo dài khoảng 15 phút. Trong khoảng thời gian này, tiệm vàng đông khách, khiến chị S vừa phải tiếp N, vừa phải bán hàng cho nhiều khách khác. Đến khi N yêu cầu chị S cân và tính tiền 02 chiếc nhẫn vàng, nhân lúc chị S mất cảnh giác, N bỏ đi khỏi tiệm mà không thanh toán. Ngay sau khi N rời đi, anh Nguyễn Văn Q, nhân viên của tiệm, đã thông báo cho chị S. Phát hiện N chưa thanh toán, chị S cùng anh Q đuổi theo giữ N lại và trình báo sự việc cho cơ quan Công an.

Tại Kết luận định giá tài sản số 20/KLĐG ngày 17-5-2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp kết luận: Tại thời điểm bị chiếm đoạt, 04 chiếc vòng vàng loại 18K, trọng lượng 02 chỉ, 07 phân, 03 li trị giá 12.694.500 đồng.

Về vật chứng, quá trình điều tra thu giữ và xử lý các tài sản sau:

- Xe mô tô biển số 66N1-143.94 của anh Phạm Minh E là chồng của bị cáo, đã trao trả cho anh E do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia và 01 nón bảo hiểm màu đen, 01 áo khoác dài tay màu vàng là trang phục bị cáo mặc khi phạm tội.

- Số tiền 1.200.000 đồng của bị cáo.

- Đĩa DVD chứa các đoạn video thể hiện hình ảnh Võ Ngọc N chiếm đoạt tài sản được camera giám sát ghi lại.

Về trách nhiệm dân sự, sau khi nhận lại tài sản, người bị hại không yêu cầu bồi thường.

Quá trình giải quyết vụ án đến nay, bị cáo Võ Ngọc N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản Cáo trạng số 72/CT-VKSTM ngày 18 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, đã truy tố bị cáo Võ Ngọc N về tội *"Cướp giật tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật Hình sự năm 2015).

- Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tháp Mười thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đã phát biểu quan điểm luận tội, đã đưa ra những chứng cứ, lý lẽ kết tội đối với bị cáo. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, căn cứ nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

+Về tội danh: Căn cứ Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Võ Ngọc N phạm tội *"Cướp giật tài sản"*

+Về hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Võ Ngọc N từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

+ Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD đoạn video ghi lại hình ảnh bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Tiếp tục quản lý số tiền 1.200.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Ngọc N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo Võ Ngọc N nói lời nói sau cùng là xin Hội đồng xét xử xE xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xE xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã

được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng. Xét thấy, đối với bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (có đơn xét xử vắng mặt) và những người làm chứng vắng mặt (vắng mặt không lý do), nhưng đã có lời khai của những người này trong hồ sơ vụ án, nên không gây trở ngại cho việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tháp Mười, Điều tra viên, Viện kiểm sát huyện Tháp Mười, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Võ Ngọc N khai: Bị cáo đã có hành vi giả vờ hỏi mua vàng để tiếp cận tài sản, lúc người bị hại là chị Phạm Nguyễn Hoa S, nhân viên bán vàng của Tiệm vàng Kim Thạnh 3 mất cảnh giác, bị cáo nhanh chóng chiếm đoạt 04 chiếc vòng vàng loại 18K trị giá 12.694.500 đồng. Vụ án xảy ra lúc 15 giờ 20 phút ngày 30/4/2024 tại khóm 4, thị trấn MA, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Xét, lời khai của bị cáo phù hợp với nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[4] Do đó, Viện kiểm sát huyện Tháp Mười truy tố bị cáo về tội *"Cướp giật tài sản"* là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như sau:

Điều 171. Tội cướp giật tài sản có quy định

1. Người nào cướp giật tài sản của người khác, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

……”.

[5] Xét, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương.

[6] Xét thấy, bị cáo Võ Ngọc N là người đã thành niên, có sức khỏe. Nhưng xuất phát từ việc lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân mà không phải bỏ công sức lao động, nên bị cáo Võ Ngọc N đã có hành vi giả vờ hỏi mua vàng để tiếp cận tài sản, lúc người bị hại là chị Phạm Nguyễn Hoa S, nhân viên bán vàng của Tiệm vàng Kim Thạnh 3 mất cảnh giác, bị cáo nhanh chóng chiếm đoạt 04 chiếc vòng vàng loại 18K trị giá 12.694.500 đồng

Hành vi của bị cáo xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm, tội phạm đã hoàn thành và bị cáo thực hiện hành vi của mình là cố ý.

[7] Do đó, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là cần thiết và cách ly bị cáo ra đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo có điều kiện học tập, cải tạo trở thành một công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

[8] Về tình tiết tăng nặng: Không có

[9] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xE xét tình tiết, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[10] Xét, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận. Tuy nhiên, riêng về phần mức án phạt tù, Hội đồng xét xử sẽ xE xét toàn bộ tài liệu, chứng cứ, cũng như tình tiết giảm nhẹ của bị cáo trong vụ án này để xE xét giải quyết theo quy định pháp luật.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xé xử không xE xét.

[12] Về vật chứng: Đề nghị của Kiểm sát viên là đúng với quy định tại Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Về án phí: Bị cáo Võ Ngọc N bị kết tội; bị cáo không thuộc trường hợp không phải chịu án phí theo quy định tại Điều 11 và không thuộc trường hợp miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại Điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Võ Ngọc N phạm tội *"Cướp giật tài sản"*

- Xử phạt: Bị cáo Võ Ngọc N 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử:

Lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD đoạn video ghi lại hình ảnh bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Tiếp tục quản lý số tiền 1.200.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Võ Ngọc N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Võ Ngọc N có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS Tỉnh, Huyện;
- Tòa án Tỉnh;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- Nhà tạm giữ Công an Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu: HSVA, VP, (Đạt).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Lê Văn Ngọc